TAND HUYỆN S
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 20 - 7 - 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hằng

2. Bà Trần Thị Chuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện S, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Không

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2017/TLST - HNGĐ ngày 25/4/2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/ 2017/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 32 Khối 1, thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn M - sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà 32 Khối 1, thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh M. Anh M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2017, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/11/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn luôn xảy ra va chạm cãi nhau. Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9 năm 2015 và từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Thu T - sinh ngày 24/3/1998; cháu Lê Thị A - sinh ngày 28/01/2005 và cháu Lê Tuấn H- sinh ngày 06/11/2008.

Hiện nay cháu Lê Thị Thu T đã thành niên, cháu ở với ai là tùy. Nguyện vọng của chị H khi ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Lê Tuấn H, anh Lê Văn M nuôi cháu Lê Thị A và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 28/5/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn M trình bày:***

- Về hôn nhân: Thời gian địa điểm kết hôn cũng như đăng ký kết hôn giữa anh Lê Văn M và chị Phạm Thị H như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mỗi người một suy nghĩ. Gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng không được. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2015 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh Lê Văn M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Thu T - sinh ngày 24/3/1998; cháu Lê Thị A - sinh ngày 28/01/2005 và cháu Lê Tuấn H- sinh ngày 06/11/2008.

Nguyện vọng của anh M khi ly hôn, nếu các con ở với anh cũng đồng ý và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Văn M.

{2} Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/11/1997 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mỗi người một suy nghĩ không tìm được tiếng nói chung. Chị H đã về nhà mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2015 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M không thể hàn gắn được nữa. Chị H xin ly hôn, anh M cũng đồng ý. Vì vậy nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

{3}Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Thu T - sinh ngày 24/3/1998; cháu Lê Thị A - sinh ngày 28/01/2005 và cháu Lê Tuấn H - sinh ngày 06/11/2008.

Hiện nay cháu Lê Thị Thu T đã thành niên cháu ở với ai là tùy. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Tuấn H, anh Lê Văn M nuôi cháu Lê Thị A và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hơn nữa cháu H đang ở với chị H và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu A đang ở với anh M và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Để không làm thay đổi môi trường sống của các cháu, HĐXX xét thấy cần giao cháu Lê Tuấn H cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu A cho anh M nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

{4} Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

{5} Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn M.
- **Về con chung**: Công nhận chị H và anh M có 03 con chung gồm:

Lê Thị Thu T - sinh ngày 24/3/1998;

Lê Thị A - sinh ngày 28/01/2005;

Lê Tuấn H - sinh ngày 06/11/2008.

Giao chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tuấn H. Anh Lê Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị A và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Lê Thị Thu T hiện nay đã trưởng thành cháu ở với ai là tùy.

Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2011/02444 ngày 24/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Phạm Thị H, vắng mặt anh Lê Văn M. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Thị Thu Thủy